

Số: *302*/TTr-BGDĐT*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022***TỜ TRÌNH****Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết 11/NQ-CP**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, trong đó giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) “chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập trong Quý I năm 2022” (Quyết định).

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành liên quan; Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Thời gian qua, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, đã tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hằng năm và 5 năm 2021-2025. Để nhanh chóng hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, góp phần đưa nền kinh tế sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế- xã hội cho cả giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo, Chính phủ đã xây dựng Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội 2022-2023 trình Bộ Chính trị, Quốc hội phê duyệt chủ trương triển khai thực hiện. Bộ Chính trị đã có Kết luận số 24-KL/TW ngày 30/12/2021 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 11/01/2022 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có chính sách tăng hạn mức bảo lãnh chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước do Ngân hàng Chính sách Xã hội hỗ trợ cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và

triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, trong đó giao Bộ GDĐT chủ trì xây dựng, ban hành Quyết định theo quy định tại điểm 15 mục IV Nghị quyết này.

Việc ban hành Quyết định theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ thể hiện sự hỗ trợ của Nhà nước đối với ngành Giáo dục - Đào tạo nói chung và đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập nói riêng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giúp các đối tượng này có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội với lãi suất ưu đãi, từ đó có thể sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học, trang thiết bị phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để phục hồi, phát triển hoạt động, bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập có điều kiện vay vốn để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để phục hồi, phát triển hoạt động, bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Quan điểm xây dựng Quyết định

a) Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực của nền kinh tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn phục hồi (2022-2023).

b) Nguồn lực chính sách hỗ trợ lãi suất tác động thúc đẩy cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ, có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi.

c) Chính sách hỗ trợ cần triển khai ngay, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện trong 02 năm 2022 và 2023 hoặc có thể kết thúc sớm hơn khi sử dụng hết nguồn lực kinh phí được giao.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), một trong các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là “trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội”.

Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định: “*Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những vấn đề cấp bách ...*”.

Khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ..*”.

Theo quy định tại điểm d Mục I.1 Nghị quyết số 11/NQ-CP, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn. Tại khoản 15 Mục IV Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ giao Bộ GDĐT trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định trong Quý I năm 2022.

Từ các quy định nêu trên và để đảm bảo tiến độ ban hành Quyết định trong quý I/2022, Bộ GDĐT đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Quyết định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Quyết định và tổ chức buổi làm việc ngày 14 và 16 tháng 02/2022 với Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam để trao đổi, hoàn thiện dự thảo Quyết định.

3. Bộ GDĐT đã có Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 gửi xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đối với dự thảo Quyết định. Do một số bộ chậm tham gia ý kiến, Bộ GDĐT tiếp tục có Công văn số 820/BGDĐT-KHTC ngày 10/3/2022 để đôn đốc các bộ, ngành về việc cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định. Đến ngày 18/3/2022, Bộ GDĐT đã nhận được đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

4. Bộ GDĐT tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Quyết định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị để trình Thủ tướng Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định gồm 16 Điều và Mẫu Dự án vay vốn, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn

Điều 4. Phương thức cho vay

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

Điều 6. Mức vốn cho vay

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Điều 8. Thời hạn cho vay

Điều 9. Lãi suất cho vay

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

Điều 11. Nguồn vốn cho vay và thời hạn giải ngân nguồn vốn cho vay

Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Điều 15. Xử lý vi phạm

Điều 16. Điều khoản thi hành

Mẫu 01 Dự án vay vốn kèm theo Quyết định.

2. Nội dung cơ bản dự thảo Quyết định

2.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non tiểu học ngoài công lập gồm có: các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục); nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thục); trường tiểu học tư thục bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Nội dung này đã được xây dựng căn cứ trên việc rà soát phạm vi và đối tượng đã được quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, đồng thời thống nhất của các quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

2.2. Về đối tượng áp dụng và điều kiện vay vốn (Điều 3)

Đối tượng được áp dụng tại Quyết định là các đối tượng đã được quy định tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện Quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đồng thời quy định điều kiện vay vốn theo hướng tinh giản, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng thụ hưởng nhưng vẫn đảm bảo một số điều kiện nhất định để tránh bị trục lợi chính sách.

2.3. Về mức vốn cho vay (Điều 6)

Mức vốn cho vay đối đa cho mỗi cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục là 80 triệu đồng, cho mỗi trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục là 200 triệu đồng. Đối với mức vốn cho vay tối đa được đề xuất tại dự thảo Quyết định đã được Bộ GDĐT giải trình, tổng hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi đưa vào dự thảo Nghị quyết 11/NQ-CP. Theo đó danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đối với cấp học mầm non và tiểu học, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất thì suất đầu tư cho 01 phòng học là 800 triệu/1 lớp mầm non, 500 triệu/lớp tiểu học. Như vậy bình quân khoảng 15-20 triệu/học sinh, Bộ GDĐT đề xuất ở mức bằng 10% so với đầu tư mới để đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho sửa chữa, thay thế thiết bị đã xuống cấp trong quá trình bị giãn cách, ngừng dạy học

(tương ứng với mức 80 triệu/cơ sở mầm non độc lập, 200 triệu/trường mầm non, tiểu học tư thục).

2.4. Về thời hạn cho vay và lãi suất cho vay (Điều 8, Điều 9)

- Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng. Bộ GDĐT và Ngân hàng chính sách xã hội đề xuất thời gian cho vay tối đa 36 tháng. Dự kiến thời gian bình quân để tính khấu hao tài sản (03-05 năm), do việc vay vốn để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, chuyển đổi số là khoản đầu tư vào tài sản cố định, không thể khấu hao để trả nợ ngay trong kỳ, phải có thời gian tích lũy. Vì vậy không thể quy định ngay việc trả nợ trong 24 tháng hoặc ngắn hơn gây áp lực cho người vay, cũng như quá dài để tránh việc chiếm dụng vốn.

- Lãi suất cho vay ưu đãi là 1.2%. Hiện nay, chương trình hỗ trợ cho vay với mức lãi suất thấp nhất đang được triển khai tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cũng có mức lại suất là 1.2% (cho vay hỗ trợ trồng rừng, phát triển chăn nuôi tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi). Tại Công văn số 2521/BTC-TCNH ngày 17/3/2022 của Bộ Tài chính góp ý dự thảo Quyết định, Bộ Tài chính dẫn chứng nhiều mức lãi các chương trình tín dụng cho các đối tượng chính sách đang được triển khai tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (ví dụ: chương trình cho vay hộ nghèo có lãi suất 6,6%/năm; chương trình cho vay hộ cận nghèo có lãi suất 7,92%/năm; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo có lãi suất 8,25%/năm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn có lãi suất 9%/năm...); tuy nhiên, mức lãi suất đề xuất cho Quyết định này không thể áp dụng quá cao như cho vay với hộ nghèo vì bản chất của chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập có điều kiện phục hồi do đại dịch Covid-19, không phải vay cho nhu cầu mở rộng.

Do đó, để đảm bảo công bằng giữ các đối tượng chính sách và tránh tình trạng trục lợi chính sách, đồng thời để gắn trách nhiệm cho các đối tượng vay vốn, Bộ GDĐT đề xuất mức lãi suất ưu đãi là 1.2%.

2.5. Về nguồn vốn cho vay (Điều 11)

Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này tối đa là 1.400 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2.6. Về Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn (Điều 13)

Dự thảo quy định Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn sẽ do Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn, bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật (Mẫu 01 kèm theo Dự thảo Quyết định).

Bộ GDĐT xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Văn bản đóng góp ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội).

- Báo cáo giải trình các nội dung góp ý của các bộ, ngành.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch-Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng CSXH;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ngô Thị Minh

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục); nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thục); trường tiểu học tư thục theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 43/2022/QH15) và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn

1. Đối tượng vay vốn: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trường mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện vay vốn:

a) Phải dừng hoạt động theo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 ít nhất 1 tháng tính đến thời điểm vay vốn.

b) Có Phương án vay vốn để phục hồi, phát triển hoạt động, bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Mẫu số 01 (đính kèm Quyết định này).

c) Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm 28/01/2020.

Điều 4. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp đối với khách hàng vay vốn.

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay dùng để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để phục hồi, phát triển hoạt động, bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Điều 6. Mức vốn cho vay

1. Tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục.
2. Tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ bằng đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay 1,2%/năm.
2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

Khách hàng vay vốn tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay và thời hạn giải ngân nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này tối đa 1.400 tỷ đồng từ nguồn

phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2. Việc sử dụng nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm thông báo hết nguồn vốn cho vay quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 12. Gia hạn nợ, phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quy định về việc gia hạn nợ.

2. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, chuyển nợ quá hạn

Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, chuyển nợ quá hạn bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định tại Quyết định này và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Ban hành hướng dẫn thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 13 Quyết định này;

b) Định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện cho vay theo Quyết định này;

c) Căn cứ tình hình triển khai thực tế, khi hết nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 1 Điều 11 hoặc thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định này, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử và trụ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời điểm kết thúc giải ngân nguồn vốn;

d) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, xác nhận về đối tượng tại khoản 1 Điều 3 và điều kiện vay vốn quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

5. Các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCD về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- VPCP; BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).A.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

(Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập vay vốn theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày.....của Thủ tướng Chính phủ)

Kính gửi: Chi nhánh (PGD) NHCSXH huyện tỉnh (huyện).....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập:
- Tên Tổ chức/cá nhân vay vốn:
2. Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền số ngày/...../..... của
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:
7. Quyết định cho phép thành lập số:.....ngày...../...../..... do cấp.
8. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có) số:..... ngày...../...../.....do cấp.
9. Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng
10. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp:
11. Thời gian ngừng hoạt động theo yêu cầu phòng chống dịch từ ngày....tháng....năm đến ngày.....tháng.....năm.....

II. NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn:
 - a) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non/tiểu học ngoài công lập:
 - + Diện tích sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:
 - + Chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:
 - b) Đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, vật tư y tế phòng chống dịch, khôi phục giảng dạy, đào tạo (*chủng loại, số lượng, giá trị*):
 - c) Ứng dụng chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy, đào tạo, chăm sóc trẻ em (*chủng loại, số lượng, giá trị*):
2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:
 - Vốn tự có: đồng.

- Số tiền đề nghị vay từ NHCSXH:đồng.
(Bằng chữ:)

- Thời hạn vay: tháng

- Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

+ Khấu hao tài sản cố định:đồng;

+ Lợi nhuận và các nguồn khác: đồng;

+ Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:..... đồng, trong đó:

Trả nợ gốc:; Trả lãi:

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng năm..... đến tháng năm.....

- Thời gian dự kiến hoạt động trở lại đối với trường hợp cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập dừng hoạt động:

III. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Tiếp tục duy trì hoạt động hoặc khôi phục hoạt động sau khi được vay vốn.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin và nội dung nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

.....
.....
.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Nội dung Dự thảo Quyết định	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Tiếp thu	Không tiếp thu	Y kiến giải trình	Nội dung dự thảo Quyết định (sau khi giải trình)
	<p>Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trang trải chi phí để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; từ đó 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non để lập dân lập, từ thực; 200 triệu đồng đối với mỗi trường mầm non dân lập, từ thực, nếu học từ thực.</p>	<p>Ngân hàng CSXHVN: Đề nghị sửa thành Điều 7, và Đề nghị bổ sung nội dung "để trang trải... giáo dục trẻ em" và sửa đổi như sau: "<i>Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần nhằm trang trải chi phí để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; từ đó 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non để lập dân lập, từ thực; 200 triệu đồng đối với mỗi trường mầm non dân lập, từ thực, nếu học từ thực.</i>"</p> <p>Bộ Nội vụ: Làm rõ mục vụ trong dự thảo quy định cho một lần vay: tổng dư nợ cho vay.</p> <p>Bộ TC: Đề nghị Bộ GDDT giải trình, thuyết minh cụ thể về cơ sở để xuất mức vốn cho vay tối đa 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non để lập dân lập, từ thực và 200 triệu đồng đối với trường mầm non dân lập, từ thực và trường học tự thực.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, thuyết minh cụ thể về cơ sở để xuất mức vốn cho vay tối đa 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non để lập dân lập, từ thực và 200 triệu đồng đối với trường mầm non để lập dân lập, từ thực, bảo đảm tính hợp lý, khả thi.</p>	X		<p>- Tiếp thu có bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với từng loại hình lập, trường; bổ sung định số lần cho vay để tránh gây nhầm lẫn.</p> <p>- Về mức cho vay: Mức cho vay 80 triệu/cơ sở mầm non dân lập và 200 triệu/trường mầm non, nếu học từ thực được Bộ GDDT giải trình, tổng hợp với Bộ KHĐT khi đưa vào dự thảo NQ 11. Theo đó danh mục thiết bị dạy học và thiết bị y tế cấp học mầm non và tiểu học, nếu học là 800 triệu/1 lớp mầm non, 300 triệu/lớp tiểu học. Như vậy bình quân khoảng 15-20 triệu/học sinh. Bộ GDDT đề xuất ở mức bằng 10% so với đầu tư mới để đảm bảo tính ưu đãi cho các cơ sở, thay thế thiết bị đã xuống cấp trong quá trình bị gián cách, ngừng dạy học (tuong ứng với mức 80 triệu/cơ sở mầm non để lập, 200 triệu/trường mầm non, tiểu học từ thực).</p>	<p>1. Tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non để lập dân lập, từ thực.</p> <p>2. Tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, từ thực, nếu học từ thực.</p>
10	Điều 6. Đồng tiền cho vay, trả nợ				Sửa thành Điều 7	Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ
						Đồng tiền cho vay và trả nợ bằng đồng Việt Nam.
11	Điều 7. Thời hạn cho vay				Sửa thành Điều 8	Điều 8. Thời hạn cho vay
		<p>Ngân hàng CSXHVN: Đề nghị sửa thành Điều 10 và Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "<i>Thời hạn cho vay là khoảng trên 36 tháng tính kể từ ngày khách hàng nhận khoản vay, đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi) được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận nhưng tối đa không quá 36 tháng.</i>"</p> <p>Bộ LĐTBXH: Đề trình việc các cơ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội khi cho vay gây khó khăn cho người vay nên quy định. "<i>Thời hạn được vay an dài lãi suất 0% tối đa là 12 tháng; thời hạn cho vay cụ thể do cơ sở giáo dục vay để xuất và được thể hiện trong hợp đồng vay vốn.</i>"</p> <p>Bộ Nội vụ: Xem xét bổ sung nội dung về thời hạn giải ngân áp dụng đến khi nào?</p> <p>NHNN: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung nội dung "<i>Thời hạn cho vay là khoảng thời gian... được ghi trong hợp đồng tín dụng</i>", và chỉnh sửa theo hướng: "<i>Thời hạn cho vay do NHCSXH và khách hàng vay vốn thỏa thuận trên cơ sở phương án sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng; tối đa không quá... tháng.</i>"</p> <p>Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo trình lý do, sự phù hợp khi quy định thời hạn cho vay tối đa của chương trình là 36 tháng, trong khi các chính sách hỗ trợ khác hỗ trợ khách doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết 68/NQ-CP có thời hạn tối đa là 12 tháng.</p> <p>Bộ KHĐT: Nghị quyết 11 quy định thời gian hỗ trợ chi trả cho thuê nhà trong 02 năm 2022-2023. Dự thảo quyết định quy định thời hạn cho vay tối đa là 36 tháng. Đề nghị rà soát lại thời hạn vay để đảm bảo hiệu quả, quyết toán khi khoan vay có hiệu lực để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 11.</p> <p>Bộ TC:</p> <p>- Dự thảo Quyết định của Bộ GDDT đang quy định thời hạn cho vay tối đa 36 tháng. Tuy nhiên, hiện nay, đối với các chương trình tín dụng cho vay để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh, mua sắm trang thiết bị... tại NHCSXH thì thời hạn cho vay thường được quy định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của người vay, chủ kỳ sản xuất kinh doanh của người vay và thời hạn thu hồi vốn của chương trình, dự án (ví dụ: các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát, chương trình cho vay giải quyết việc làm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn).</p> <p>- Vì vậy, đề nghị Bộ GDDT phối hợp với NHCSXH để nghiên cứu, đề xuất về thời hạn cho vay tối đa cho phù hợp với thời gian chương trình thực tế, đảm bảo khả năng thu nợ của NHCSXH, tránh phát sinh trường hợp nợ quá hạn.</p> <p>Bộ Tư pháp: Thời hạn cho vay thường được quy định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của người vay, chủ kỳ sản xuất kinh doanh của người vay và thời hạn thu hồi vốn của chương trình, dự án (ví dụ: các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát; chương trình cho vay giải quyết việc làm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn). Do vậy, để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và đề xuất về thời hạn cho vay tối đa cho phù hợp với thực tế, đảm bảo khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng Chính sách XHVN.</p>	X	<p>Tiếp thu có giải trình về thời gian vay do NHCSXH và khách hàng thỏa thuận do theo phương án vay do khách hàng đề xuất tại Mẫu 01 đã có.</p> <p>Về thời gian vay 36 tháng: là khoảng thời gian bình quân để tính khấu hao tài sản (03-05 năm) do việc vay vốn để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, chuyển đổi số là khoản đầu tư vào tài sản cố định, không thể khấu hao để trả nợ ngay trong kỳ; phải có thời gian tích lũy. Vì vậy, không nên quy định ngay việc trả nợ trong 24 tháng hoặc ngắn hơn gây áp lực cho người vay, cũng như quá dài để tránh việc chiếm dụng vốn.</p>	<p>Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.</p>	
12	Điều 8. Lãi suất cho vay				Sửa thành Điều 9	Điều 9. Lãi suất cho vay
		<p>Ngân hàng CSXHVN: sửa đổi Khoản 1 thành: "<i>Lãi suất cho vay an dài là 1,2%/năm.</i>"</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay Dự thảo về tín dụng hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập phục vụ học tập tuyến trong các gói tín dụng cho vay tại NHCSXH ở Nghị quyết 1/NQ-CP đang trình Chính phủ mức 1,2%/năm. Do đó việc áp dụng lãi suất 1,2%/năm cũng là để thực hiện bao đảm công bằng giữa các đối tượng trong việc thực hiện chính sách ưu đãi của Chính phủ. Ngoài ra việc áp dụng cho vay có lãi suất cũng trình tự tương tự lãi, tạo cho khách hàng vay vốn có ý thức trách nhiệm với món vay.</p> <p>Bộ TC:</p> <p>- Dự thảo Quyết định của Bộ GDDT đang quy định lãi suất cho vay là 0%/năm. Đề nghị Bộ GDDT bổ sung giải trình rõ căn cứ để xuất mức lãi suất cho vay này.</p> <p>- Trên thực tế, hiện nay NHCSXH cũng đang triển khai nhiều chương trình tín dụng cho các đối tượng chính sách với mức lãi suất cho vay phù hợp. Ví dụ: chương trình cho vay hộ nghèo có lãi suất 6,6%/năm; chương trình cho vay hộ cận nghèo có lãi suất 7,92%/năm; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo có lãi suất 8,25%/năm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn có lãi suất 9%/năm... Chương trình cho vay vốn lãi suất thấp nhất của NHCSXH cũng có mức lãi suất cho vay 1,2%/năm (cho vay hỗ trợ trồng rừng, phát triển chăn nuôi tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi).</p> <p>- Vì vậy, đề nghị Bộ GDDT phối hợp với NHCSXH để nghiên cứu, đề xuất mức lãi suất cho vay phù hợp với thực tế, tránh tình trạng thực tế chính sách, nâng cao trách nhiệm của khách hàng khi quyết định vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ vay. Ngoài ra, đề nghị Bộ GDDT làm rõ biện pháp bảo đảm tiền vay.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải trình rõ căn cứ để xuất mức lãi suất cho vay, đảm bảo phù hợp với thực tế, tránh tình trạng thực tế, lợi chính sách, nâng cao trách nhiệm của khách hàng khi quyết định vay vốn.</p>	X	<p>Tiếp thu điều chỉnh lãi suất thành 1,2%/năm để đảm bảo thống nhất với các đối tượng khác đang vay tại NHCSXH, đồng thời để gắn trách nhiệm cho đối tượng như cho vay vốn hộ nghèo cũng không thể áp dụng quá cao.</p> <p>Mức lãi suất cũng không phải áp dụng quá cao để kiến tạo các cơ sở giáo dục ngoài công lập có điều kiện phục hồi do đại dịch Covid-19, không phải vay cho nhà cửa mở rộng.</p>	<p>1. Lãi suất cho vay là 1,2%/năm.</p>	

STT	Nội dung Dự thảo Quyết định	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Tiếp thu	Không tiếp thu	Ý kiến giải trình	Nội dung dự thảo Quyết định (sau khi giải trình)
	2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay, hộ nghèo tại thời điểm vay vốn Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ;		X		Tiếp thu, bổ sung để quy định rõ mức lãi suất quá hạn tại thời điểm vay vốn theo tỷ lệ quy định tại từng thời kỳ để tránh áp dụng khác nhau trong quá trình thực thi	2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay, hộ nghèo tại thời điểm vay vốn
13	Ngân hàng CSXHVN: Bổ sung Điều 8, Báo đảm tiền vay "Đãi tương đương: vay vốn qua định tại Quyết định này không phải thực hiện báo đảm tiền vay."		X		Tiếp thu, bổ sung Điều 10 tại dự thảo. Mục đích để đảm bảo an sinh xã hội, nên không quy định biện pháp đảm bảo tiền vay theo tinh thần của NQ 11	Điều 10. Báo đảm tiền vay Khách hàng vay vốn tại Quyết định này không phải thực hiện báo đảm tiền vay.
14	Điều 10. Nguồn vốn cho vay	Ngân hàng CSXHVN: "1. Nguồn vốn để NHCSXH thực hiện cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, ngoài công lập theo quy định tại Quyết định này gồm được 2022-2023 là 1.400 tỷ đồng. NHCSXH thực hiện huy động nguồn vốn từ phát hành trái phiếu, NHCSXH được Chính phủ bảo lãnh theo Chương trình phúc hồi và phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện cho vay theo Quyết định này." NHNN: Để nghị cơ quan soạn thảo bổ sung giải trình đối với đề xuất việc quy định nguồn vốn để NHCSXH thực hiện cho vay là nguồn ngân sách nhà nước cấp, vì quy định nêu trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Bộ KHĐT: Theo quy định tại tiết b khoản 1.3 Điều 3 của Nghị quyết 43/2022/QH15, cho vay hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập từ nguồn tăng hơn mức bảo lãnh CP đối với trái phiếu phát hành trong nước do Ngân hàng Chính sách Xã hội. Vì vậy, đề nghị rà soát để đảm bảo quy định về nguồn vốn cho vay. Bộ TC: - Tại gạch đầu dòng thứ năm, tiết c điểm 2 mục 11 Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định NHCSXH "cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngang hàng đồng (t nhất 01 tháng) theo yêu cầu phỏng, chống dịch; tổng nguồn vốn cho vay, tối đa là 1.400 tỷ đồng." - Tại tiết d điểm 1 mục III Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định "tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng... để cho vay theo quy định tại tiết c điểm 2 mục 11 Nghị quyết này." - Như vậy, nguồn vốn cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập tối đa 1.400 tỷ đồng là từ nguồn tăng phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH (tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng). Do đó, việc Bộ GDĐT quy định nguồn vốn cho vay tại dự thảo Quyết định là nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp 1.400 tỷ đồng là chưa phù hợp với Nghị quyết số 11/NQ-CP. - Để nghị Bộ GDĐT sun đờ quy định tại Điều 10 dự thảo Quyết định theo hướng "nguồn vốn cho vay từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP." Bộ Tư pháp: Để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bám sát nội dung của Nghị quyết số 11/NQ-CP để đảm bảo việc quy định nguồn vốn, quy mô nguồn vốn tại dự thảo Quyết định phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ.	X		Tiếp thu ý kiến để phù hợp với tiết 1 điểm 1 mục III Nghị quyết 11/NQ-CP và bổ sung mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của NQ 43, NQ 11.	1. Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này tối đa là 1.400 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP. 2. Việc sử dụng nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan. 3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm thông báo kết nguồn vốn cho vay quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện nào đến trước.
	2. Ngân hàng, Chính sách xã hội giải ngân ngân sách nhà nước cấp tại Khoản 1 Điều này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc đến khi giải ngân hết số vốn 1.400 tỷ đồng, tùy theo điều kiện nào đến trước.	Ngân hàng CSXHVN: "2. NHCSXH thực hiện giải ngân cho vay theo quy định tại Quyết định này đến hết ngày 31.12.2023 hoặc khi giải ngân hết số vốn 1.400 tỷ đồng, tùy theo điều kiện nào đến trước."	X		Tiếp thu, điều chỉnh tại kỹ thuật câu từ cho phù hợp	
	3. Ngân hàng, Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù chính, lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định hiện hành.	Ngân hàng CSXHVN: "3. Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý theo cơ chế quản lý tại chính đối, với Ngân hàng Chính sách xã hội."	X		Tiếp thu ý kiến, đồng thời không đưa quy định này vào thảo luận vì nội dung này đã có quy định riêng đối với NHCSXH	
15	Điều 9. Hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay, trả nợ	Bộ LĐT&XH: Để nghị quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục cho vay, trả nợ để đảm bảo tính công khai, minh bạch (trong tư như quy định cho vay vốn hỗ trợ trả lương ngoài việc hoặc, phúc hồi sau xuất trong các Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 và số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của TT&CTP triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ; và các Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của TT&CTP năm 2020 hỗ trợ nguồn nhân lực ngành lao động, doanh nghiệp) Bộ Tư pháp: Để nghị sửa thành Điều 14			Sửa thành Điều 13 - Về điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình dự thảo đã có theo Mẫu 01. Tuy nhiên việc cho vay, quy trình, thủ tục là nghiệp vụ của ngân hàng CSXH cho nên tài dự thảo chỉ quy định về cơ NSCHXH quy định để phù hợp với từng gói đơn. - Đồng thời tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, giúp nội hàm quy định về định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn vào Điều 12 này. Riêng ý kiến về gia hạn nợ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị NHCSXH nên sẽ quy định ở Điều 12.	Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, chuyển nợ quá hạn bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
	Hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay, trả nợ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội, báo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.					
16	Điều 11. Định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn	Ngân hàng CSXHVN: Để nghị sửa thành Điều 14 Bộ LĐT&XH: Để nghị quy định cụ thể về thời hạn trả nợ, điều chỉnh thời hạn trả nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn để các đối tượng vay nắm rõ chính sách trước khi làm hồ sơ vay vốn, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh gây khó khăn cho đối tượng khi làm hồ sơ vay vốn. Bộ TC: - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ tại NHCSXH (ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg), trong đó đã có các quy định cụ thể về xử lý nợ bị rủi ro, bao gồm việc gia hạn nợ, khoản nợ, xóa nợ... - Vì vậy, để nghị Bộ GDĐT xem xét bổ sung Điều 11 quy định về định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn tại dự thảo Quyết định. Thay vào đó, tại Điều 9 dự thảo Quyết định, có thể xem xét quy định NHCSXH quy định cụ thể về "Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thủ tục (gốc, lãi), gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn". NHCSXH khi ký kết hợp đồng tín dụng với khách hàng vay vốn sẽ có trách nhiệm thỏa thuận với khách hàng về kỳ hạn trả nợ, việc gia hạn nợ và xử lý rủi ro (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật. Bộ Tư pháp: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg), trong đó đã có các quy định cụ thể về xử lý nợ bị rủi ro, bao gồm việc gia hạn nợ, khoản nợ, xóa nợ... Do đó, để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, lược bỏ Điều 11 dự thảo Quyết định cho phù hợp. Việc trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về vấn đề này.	X		Hiện nay, đã có các quy định riêng về nội dung này. Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến, bổ sung vào Điều 13 ở trên, riêng ý kiến về gia hạn nợ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị NHCSXH nên sẽ quy định ở Điều 12	

STT	Nội dung Dự thảo Quyết định	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Tiếp thu	Không tiếp thu	Ý kiến giải trình	Nội dung dự thảo Quyết định (sau khi giải trình)
	<p>1. Thời hạn tra nợ được chia thành các kỳ hạn tra nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định. Đến kỳ tra nợ cuối cùng, người vay có khi không tra được nợ, phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ cho đến thời hạn cuối cùng, thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay.</p> <p>2. Trường hợp đối tượng được vay vốn không tra nợ đúng hạn theo kỳ hạn tra nợ cuối cùng và không được phép gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan để thu hồi nợ.</p> <p>3. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định cụ thể việc điều chỉnh kỳ hạn tra nợ, gia hạn tra nợ và chuyển nợ quá hạn.</p>	<p>Ngân hàng CSXHVN: Đề nghị bổ sung khoản 1 thành: "1. Thời hạn tra nợ được chia thành các kỳ hạn tra nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.</p> <p>Đến kỳ hạn tra nợ cuối cùng, người vay có khi không tra được nợ, phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ cho đến thời hạn cuối cùng, thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay.</p> <p>không quá 1/2 thời hạn đã cho vay mà trong hạn."</p>				
17	<p>Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Ngân hàng Chính sách xã hội phân loại các khoản nợ cho vay theo Quyết định này theo Quy định tại Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản sau đây, bổ sung hoặc thay thế (nếu có):</p> <p>2. Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sau đây, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có).</p>	<p>Ngân hàng CSXHVN: đề nghị bổ sung chữ "nợ" sau từ "xử lý" tại dòng thứ nhất và bổ sung cụm từ "về việc" trước từ "sửa đổi" tại dòng thứ 5 và sửa như sau:</p> <p>"Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý nợ bị rủi ro... của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế..."</p>			Sửa thành Điều 12	<p>Điều 12. Chia hạn nợ, phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro</p> <p>1. Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quy định về việc gia hạn nợ.</p> <p>2. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p>
18	<p>Điều 13. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng giám đốc Trung ương bưu chính viễn thông, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ, trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.</p> <p>3. Ngày 25 tháng 03 năm 2021, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Ủy ban trung ương Chính phủ theo quy định.</p> <p>4. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc, Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia phổ biến, phối hợp triển khai và giám sát việc thực hiện Quyết định này.</p>	<p>Ngân hàng CSXHVN: đề nghị sửa như sau:</p> <p>"1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Quyết định này."</p> <p>"2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết)."</p> <p>"3. Các bộ, ngành có liên quan cần có văn bản đề nghị, nhiệm vụ được giao, cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này."</p> <p>"4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xã thực hiện việc rà soát, xác định và đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định này."</p> <p>5. Ngân hàng Chính sách xã hội:</p> <p>a) Ban hành quy định về hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay;</p> <p>b) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, theo hướng dẫn của Quyết định này;</p> <p>c) Phối hợp với các Bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh;</p> <p>d) Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện cho vay, theo quy định tại Quyết định này.</p>			Sửa thành Điều 14	<p>Điều 14. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định tại Quyết định này và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>2. Ngân hàng Chính sách xã hội:</p> <p>a) Ban hành hướng dẫn thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 13 Quyết định này;</p> <p>b) Định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện cho vay theo Quyết định này;</p> <p>c) Căn cứ tình hình triển khai thực tế, khi hết nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 1 Điều 11 hoặc thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định này, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử và trụ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời điểm kết thúc giải ngân nguồn vốn.</p> <p>d) Phối hợp với các Bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những vướng mắc, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay, theo quy định tại Quyết định này.</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết)</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, xác nhận và đối tượng tại khoản 1 Điều 3 và điều kiện vay vốn quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 3 Quyết định này.</p> <p>5. Các cơ quan liên quan cần có chức năng, nhiệm vụ được giao cũng phải phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.</p>
19	<p>Điều 14. Xử lý vi phạm</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa thành Điều 15</p>				<p>Điều 15. Xử lý vi phạm</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p>
20	<p>Điều 15. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2022.</p>	<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị cần nhắc lại quy định về hiệu lực thi hành vì trong trường hợp Quyết định này được ban hành theo trình tự, thủ tục như sau thì Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành theo khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Trường hợp ban hành theo trình tự, thủ tục thông thường thì Quyết định này có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày được ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.</p>			Sửa thành Điều 16	<p>Điều 16. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.</p>

STT	Nội dung Dự thảo Quyết định	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Tiếp thu	Không tiếp thu	Ý kiến giải trình	Nội dung dự thảo Quyết định (sau khi giải trình)
2	<p>Các Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>					<p>2. Các Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>
21	<p>Các góp ý khác</p>					
		<p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung hồ sơ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trong đó có dự thảo Tổ trình Thủ tướng Chính phủ. Từ dự thảo Tổ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn của việc đề xuất xây dựng chính sách cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Trên cơ sở đó, bám sát quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan và các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH để xây dựng dự thảo Quyết định phù hợp với chi đạo của cấp có thẩm quyền và mô hình hoạt động của NHCSXH. Đồng thời, làm rõ cơ sở các đề xuất về điều kiện để được vay vốn, như chủ vay vốn, mục vốn cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, các biện pháp bảo đảm tiền vay tại dự thảo Quyết định...</p> <p>Bộ KHĐT: Đề nghị Bộ GDĐT bổ sung dự thảo Tổ trình về việc cần thiết phải ban hành Quyết định nêu trên, mục đích và quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định, những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định...</p> <p>Bộ TC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ xin ý kiến dự thảo Quyết định do Bộ GDĐT chủ trì chưa đầy đủ, không ghi kèm theo dự thảo Tổ trình Thủ tướng Chính phủ, nên Bộ Tài chính không có cơ sở để tham gia ý kiến đối với các nội dung giải trình, thuyết minh của Bộ GDĐT liên quan đến việc xây dựng dự thảo Quyết định. - Về căn cứ xây dựng dự thảo Quyết định: Ngày 30/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (trên khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15), trong đó quy định Bộ GDĐT "chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập trong Quý I năm 2022". Do đó, việc Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Quyết định là có căn cứ chi đạo của Chính phủ. <p>Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ điểm b mục 1.3 Điều 3 Nghị quyết 43/2022/QH15, Khoản 15 Mục IV.3 Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP và Khoản 6 Điều 2 Nghị định 78/2002/NĐ-CP, việc Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng CP về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập và tư thục là có cơ sở và cần thiết. - Căn cứ khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 43/2022/QH15, Khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và điểm 4 Mục 1.1 Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP, Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Quyết định của TT&CP về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập và tư thục theo trình tự, thủ tục rút gọn là có cơ sở, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, để nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải thích về căn cứ đề nghị dùng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn tại dự thảo Tổ trình Thủ tướng Chính phủ. - Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định, đề nghị rà soát, hoàn thiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016. 	x		<p>Tiếp thu, hoàn thiện vào nội dung Tổ trình Thủ tướng Chính phủ</p>	

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 785/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quyết định
của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện,
trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay
đối với cơ sở giáo dục mầm non,
tiểu học ngoài công lập theo
Nghị quyết số 11/NQ-CP

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP (sau đây gọi là dự thảo Quyết định), căn cứ hồ sơ, tài liệu được cung cấp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Điểm b mục 1.3 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội quy định: "Tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

Khoản 15 Mục IV.3 Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình giao Bộ Giáo dục và Đào tạo: "chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập trong Quý I năm 2022".

Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: "Người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi gồm: ...6. Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ".

Căn cứ các quy định nêu trên, việc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập và tư thục là có cơ sở và cần thiết.

2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), một trong các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là “trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội”.

Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định: “*Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những vấn đề cấp bách...*”.

Khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ...*”.

Theo quy định tại điểm d Mục I.1 Nghị quyết số 11/NQ-CP, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn. Tại khoản 15 mục IV Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định trong Quý I năm 2022.

Từ các quy định nêu trên, việc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với cơ sở mầm non, tiểu học dân lập và tư thục theo trình tự, thủ tục rút gọn là có cơ sở, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải trình về căn cứ để xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Về dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định có nhiều nội dung liên quan đến các quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Giáo dục năm 2019, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Quyết định để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất đối với hệ thống pháp luật, trong đó cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

3.1. Về căn cứ pháp lý ban hành Quyết định

- Đề nghị bổ sung Luật Giáo dục năm 2019 và Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vào phần căn cứ ban hành cho đầy đủ và toàn diện.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ căn cứ pháp lý ban hành Quyết định là Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình vì đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020).

3.2. Về phạm vi điều chỉnh

Điều 1 dự thảo Quyết định quy định chính sách tín dụng đối với các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập... (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thục), nhà trẻ, trường mẫu giáo... (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thục), trường tiểu học tư thục bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19. Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm b mục 1.3 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 và khoản 15 Mục IV.3 Nghị quyết số 11/NQ-CP thì chỉ hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với "*các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập*". Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm cụm từ "*các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập*", trên cơ sở đó, rà soát, chỉnh lý lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Giáo dục năm 2019, Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3.3. Về đối tượng áp dụng

Điều 2 dự thảo Quyết định quy định về đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, quy định đối tượng bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục, trường mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học dân lập, tư thục là chưa thống nhất với đối tượng với quy định tại Điểm b mục 1.3 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 và khoản 15 Mục IV.3 Nghị quyết số 11/NQ-CP là "*các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập*". Bên cạnh đó, đề nghị bỏ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định vì nội dung này là một trong các điều kiện cho vay vốn đã quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 dự thảo Quyết định.

3.4. Về mức vốn cho vay

Điều 5 dự thảo Quyết định quy định mức vốn cho vay tối đa 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục và 200 triệu đồng đối với trường mầm non dân lập, tư thục và trường tiểu học tư thục. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, thuyết minh cụ thể về cơ sở đề xuất mức vốn cho vay tối đa 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục và 200 triệu đồng đối với trường mầm non dân lập, tư thục và trường tiểu học tư thục, bảo đảm tính hợp lý, tính khả thi.

3.5. Về thời hạn cho vay

Điều 7 dự thảo Quyết định quy định thời hạn cho vay tối đa 36 tháng. Tuy nhiên, thời hạn cho vay thường được quy định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của người vay, chu kỳ sản xuất kinh doanh của người vay và thời hạn thu hồi vốn của chương trình, dự án (ví dụ: các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát; chương trình cho vay giải quyết việc làm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn). Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và đề xuất về thời hạn cho vay tối đa cho phù hợp với thực tế, đảm bảo khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

3.6. Về lãi suất cho vay

Khoản 1 Điều 8 dự thảo Quyết định quy định lãi suất cho vay là 0%/năm. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung giải trình rõ căn cứ đề xuất mức lãi suất cho vay, đảm bảo phù hợp với thực tế, tránh tình trạng trục lợi chính sách, nâng cao trách nhiệm của khách hàng khi quyết định vay vốn.

3.7. Về nguồn vốn

Khoản 1 Điều 10 dự thảo Quyết định quy định về nguồn vốn để NHCSXH thực hiện cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập là 1.400 tỷ đồng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bám sát nội dung của Nghị quyết số 11/NQ-CP để đảm bảo việc quy định nguồn vốn, quy mô nguồn vốn tại dự thảo Quyết định phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ.

3.8. Về định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg), trong đó đã có các quy định cụ thể về xử lý nợ bị rủi ro, bao gồm việc gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, lược bỏ Điều 11 dự

thảo Quyết định cho phù hợp. Việc trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về vấn đề này.

3.9. Về hiệu lực thi hành

Khoản 1 Điều 15 dự thảo Quyết định quy định Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2022. Đề nghị cân nhắc lại quy định nêu trên vì trong trường hợp Quyết định này được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành theo khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Trường hợp ban hành theo trình tự, thủ tục thông thường thì Quyết định này có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày được ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

4. Về trình tự, thủ tục và kỹ thuật soạn thảo văn bản

4.1. Như đã nêu tại Mục 2 Công văn này, trường hợp dự thảo Quyết định được xây dựng và ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo Quyết định theo đúng quy định tại Điều 147, Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

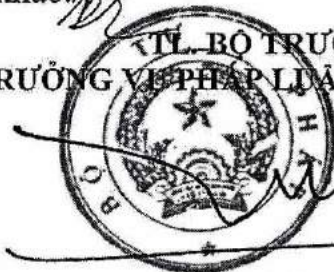
4.2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định, đề nghị rà soát, hoàn thiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, xin gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c);
- PVT Nguyễn Chi Lan (để biết);
- Lưu: VT, PLDSKT (PLKTN, BTQ).

VTL BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ-KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1587*/NHCS-TDSV

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tin
dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm
non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị
quyết 11/NQ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nhận được công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết 11/NQ-CP. Sau khi nghiên cứu, NHCSXH cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định về tín dụng tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục của Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, NHCSXH xin được tham gia một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về tên Quyết định và căn cứ pháp lý:

- Tên Quyết định đề nghị sửa thành: “Về chính sách *tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập để phục hồi và phát triển sau đại dịch Covid-19*”

- Đề nghị bỏ cụm từ “quy định” sau “quyết định”; sửa lại dẫn chiếu tên quyết định như trên. Cụ thể thành:

“*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập để phục hồi và phát triển sau đại dịch Covid-19*”

2. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh. Đề nghị sửa thành

“*Quyết định này quy định chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập là các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục bao gồm: các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục), nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thục), trường tiểu học tư thục bị ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.*”

3. Điều 2. Đối tượng áp dụng

Khoản 2, Điều 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“*2. Khách hàng được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội là các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trường mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.*”

Lý do: Nếu ghi cụ thể nội dung tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 2 như Dự thảo thì sẽ bị trùng lặp với nội dung tại Điều 4 của Dự thảo.

4. Đề nghị bổ sung thêm Điều 3. Đối tượng vay vốn, cụ thể như sau:

"Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trường mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục"

Lý do: Trong Dự thảo Quyết định cần thiết phải quy định rõ đối tượng được vay vốn.

5. Tại Điều 4. Điều kiện vay vốn (đề nghị chuyển thành điều 5.)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 ít nhất 1 tháng tính đến thời điểm vay vốn.

3. Có phương án sử dụng vốn vay theo mẫu số 01 (đính kèm Quyết định này) trong đó có nội dung về kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; đang hoạt động hoặc có kế hoạch hoạt động trở lại trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên đối với cơ sở đang dừng hoạt động và được UBND cấp huyện/xã nơi đóng trụ sở xác nhận.

4. Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm 31/01/2020 theo quy định về phân loại nợ xấu của Ngân hàng Nhà nước"

Lý do:

- Bổ sung Khoản 1 để đảm bảo những cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục, trường mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục phải được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

- Bổ sung và sửa đổi Khoản 3 như đề nghị, lý do:

+ Tại thời điểm vay vốn cơ sở đang hoạt động nhưng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và trước đó đã phải dừng hoạt động thì cũng thuộc đối tượng vay vốn. Trường hợp cơ sở đang dừng hoạt động thì phải có kế hoạch hoạt động trở lại trong vòng 3 tháng sau khi vay vốn. Không dùng từ cam kết vì có trường hợp Có kế hoạch hoạt động nhưng sau đó phải tiếp tục dừng do yêu cầu của cơ quan chức năng do đại dịch COVID 19 bùng phát trở lại, thuộc về nguyên nhân khách quan.

+ Phương án sử dụng vốn vay, thời gian dừng hoạt động và kế hoạch khôi phục hoạt động cần thiết phải được UBND cấp huyện/xã nơi đóng trụ sở xác nhận vì UBND cấp huyện/xã là cơ quan chức năng đã ra Quyết định thành lập hoặc ra Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trường mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục.

- Bổ sung Khoản 4 như trên lý do: Nợ xấu theo phân loại nợ xấu tại thời điểm 31/01/2020 là thời điểm chưa bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID 19.. Do đó, việc quy định không có nợ xấu tại thời điểm này là cần thiết và cũng đánh giá được một phần phương án có khả thi hay không.

6. Bổ sung Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

7. Tại Điều 5. Mức vốn cho vay (đề nghị sửa thành điều 7.)

Đề nghị bỏ nội dung “đề trang trải...giáo dục trẻ em” và sửa đổi như sau:

“Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần nhưng tổng số tiền vay tối đa 80 triệu đồng đối với mỗi cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; tối đa 200 triệu đồng đối với mỗi trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục.”

Lý do: Nội dung “đề trang trải...giáo dục trẻ em” đã được nêu tại Điều 4 về mục đích sử dụng vốn vay, do đó không cần nêu tại Điều 5 để tránh trùng lặp.

8. Bổ sung Điều 8. Bảo đảm tiền vay

Đối tượng được vay vốn qui định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

9. Tại Điều 7. Thời hạn cho vay (đề nghị sửa thành điều 10)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính kể từ ngày khách hàng nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi) được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận nhưng tối đa không quá 36 tháng”.

10. Tại Điều 8. Lãi suất cho vay (đề nghị sửa thành điều 11)

Đề nghị sửa đổi Khoản 1 thành:

“1. Lãi suất cho vay ưu đãi là 1,2%/năm”



- Bổ sung Khoản 4 như trên lý do: Nợ xấu theo phân loại nợ xấu tại thời điểm 31/01/2020 là thời điểm chưa bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID 19.. Do đó, việc quy định không có nợ xấu tại thời điểm này là cần thiết và cũng đánh giá được một phần phương án có khả thi hay không.

6. Bổ sung Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ để bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

7. Tại Điều 5. Mức vốn cho vay (đề nghị sửa thành điều 7.)

Đề nghị bỏ nội dung “đề trang trải...giáo dục trẻ em” và sửa đổi như sau:

“Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần nhưng tổng số tiền vay tối đa 80 triệu đồng đối với mỗi cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; tối đa 200 triệu đồng đối với mỗi trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục.”

Lý do: Nội dung “đề trang trải...giáo dục trẻ em” đã được nêu tại Điều 4 về mục đích sử dụng vốn vay, do đó không cần nêu tại Điều 5 để tránh trùng lặp.

8. Bổ sung Điều 8. Bảo đảm tiền vay

Đối tượng được vay vốn qui định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

9. Tại Điều 7. Thời hạn cho vay (đề nghị sửa thành điều 10)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính kể từ ngày khách hàng nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi) được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng thỏa thuận nhưng tối đa không quá 36 tháng”.

10. Tại Điều 8. Lãi suất cho vay (đề nghị sửa thành điều 11)

Đề nghị sửa đổi Khoản 1 thành:

“1. Lãi suất cho vay ưu đãi là 1,2%/năm”

Lý do:

Hiện nay Dự thảo về tín dụng hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập phục vụ học trực tuyến trong các gói tín dụng cho vay tại NHCSXH ở Nghị quyết 11/NQ-CP đang trình Chính phủ mức 1,2%/năm. Do đó việc áp dụng lãi suất 1,2%/năm cũng là để thực hiện bảo đảm công bằng giữa các đối tượng trong việc thực hiện chính sách ưu đãi của Chính phủ. Ngoài ra việc áp dụng cho vay có lãi suất cũng tránh tư tưởng ỷ lại, tạo cho khách hàng vay vốn có ý thức trách nhiệm với món vay.

11. Tại Điều 10, Nguồn vốn cho vay (Đề nghị sửa thành Điều 13)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 1,2 như sau:

“1. Nguồn vốn để NHCSXH thực hiện cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo quy định tại Quyết định này giai đoạn 2022-2023 là

1.400 tỷ đồng, NHCSXH thực hiện huy động nguồn vốn từ phát hành trái phiếu, NHCSXH được Chính phủ bảo lãnh theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện cho vay theo Quyết định này.

2. NHCSXH thực hiện giải ngân cho vay theo quy định tại Quyết định này đến hết ngày 31/12/2023 hoặc khi giải ngân hết số vốn 1.400 tỷ đồng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và phí quản lý theo cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội”.

12. Tại Điều 11. Định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn (đề nghị sửa thành điều 14)

Đề nghị Bổ sung Khoản 1 thành:

“ 1. Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo định kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận thì được xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ nhưng không vượt quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng

Đến kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng, người vay vốn không có khả năng trả được nợ, thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét gia hạn nợ; Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung hạn”

13. Tại Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội (đề nghị sửa thành điều 15)

Khoản 2 Điều 2 đề nghị bổ sung chữ “nợ” sau từ “xử lý” tại dòng thứ nhất và bổ sung cụm từ “về việc” trước từ “sửa đổi” tại dòng thứ 5 và sửa như sau:

“Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý nợ bị rủi ro... của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế...”

14. Tại Điều 13. Tổ chức thực hiện (đề nghị sửa thành điều 16)

Đề nghị sửa đổi như sau:

“1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí đầy đủ nguồn vốn từ nguồn kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

3. Các bộ, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã thực hiện việc rà soát, xác nhận về đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định này.

6. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Ban hành quy định về hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay;

b) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này;

d) Định kỳ hằng tháng (chậm nhất là ngày 15 của tháng kế tiếp), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập để tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định."

Lý do: Cần thiết phải quy định cụ thể trách nhiệm của từng Bộ, ngành có liên quan trong Dự thảo Quyết định này theo từng chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành đã được Chính phủ giao.

Bổ sung nội dung trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi quyết định này khi cần thiết

15. Về mẫu số 01 Dự án vay vốn đính kèm Dự thảo Quyết định

- Tại khoản 8, mục I: Bổ cụm từ "nếu có", vì đây là điều kiện bắt buộc
- Bổ sung mục III- Kế hoạch hoạt động trở lại của cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục trong vòng 3 tháng sau khi vay vốn (đối với trường hợp cơ sở đang dừng hoạt động).

Lý do như đã nêu ở phần 5. Sửa đổi Điều 4.

Sửa đổi Mục III thành mục IV.

Trên đây là ý kiến tham gia của NHCSXH đối với nội dung dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết 11/NQ-CP, kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc, TBKS đề b/cáo;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV;
- Lưu: VT, TDSV.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN VÀ KẾ HOẠCH PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG
(Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục vay vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ)

Kính gửi: Chi nhánh (PGD) NHCSXH huyện tỉnh (huyện).....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC DÂN LẬP, TƯ THỰC

1. Tên cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp: Nơi cấp:.....
3. Giấy ủy quyền số ngày/...../..... của.....
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:.....
7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (nếu có):
Do..... Cấp ngày.....
8. Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập số:..... ngày...../...../ do..... cấp
9. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có) số: ngày...../...../ do cấp
Thời hạn còn hiệu lực (nếu có) (tháng, năm).....
10. Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng
11. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp:
12. Thời gian ngừng hoạt động theo yêu cầu phòng chống dịch từ ngày.....tháng.....năm đến ngày.....tháng.....năm..... *(Kèm theo Bản sao của cơ quan có thẩm quyền quy định).*

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

- 1) Dự án khôi phục, phát triển hoạt động giảng dạy
 - (a) Mở rộng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non/tiểu học ngoài công lập *(kèm theo dự toán chi tiết nếu có)*:
+ Diện tích mở rộng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:
 - + Chi phí mở rộng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:
 - (b) Đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, vật tư y tế phòng chống dịch, khôi phục giảng dạy, đào tạo *(chủng loại, số lượng, giá trị, ... hoặc danh mục dự toán chi tiết nếu có)*:
 - (c) Ứng dụng chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy, đào tạo, chăm sóc trẻ em *(chủng loại, số lượng, giá trị, ... hoặc danh mục dự toán chi tiết nếu có)*:



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2521/BTC-TCNH

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

V/v dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ Tài chính nhận được Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) xin ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học dân lập, tư thục (sau đây gọi tắt là dự thảo Quyết định). Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về ý kiến tham gia chung: Hồ sơ xin ý kiến dự thảo Quyết định do Bộ GDĐT chủ trì chưa đầy đủ, không gửi kèm theo dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, nên Bộ Tài chính không có cơ sở để tham gia ý kiến đối với các nội dung giải trình, thuyết minh của Bộ GDĐT liên quan đến việc xây dựng dự thảo Quyết định.

2. Về ý kiến tham gia cụ thể đối với dự thảo Quyết định:

2.1. Về căn cứ xây dựng dự thảo Quyết định: Ngày 30/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15), trong đó quy định Bộ GDĐT "*chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập trong Quý I năm 2022*". Do đó, việc Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Quyết định là có căn cứ chỉ đạo của Chính phủ.

2.2. Về căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục năm 2019 có quy định về cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, loại hình trường dân lập và trường tư thục. Do đó, đề nghị Bộ GDĐT xem xét, bổ sung thêm căn cứ pháp lý ban hành Quyết định là Luật Giáo dục năm 2019.

- Đề nghị bổ sung căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Về phạm vi điều chỉnh: Đề nghị Bộ GDĐT xem xét, đổi tên gọi chung cho đối tượng “Nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục” thành “Lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục” để dễ phân biệt hơn với đối tượng “Trường mầm non dân lập, tư thục”.

Lý do: Tại Luật Giáo dục năm 2019, cụm từ “cơ sở giáo dục mầm non” bao gồm cả các “trường mầm non” và các “lớp mầm non độc lập”, do đó nếu chỉ sử dụng cụm từ “cơ sở giáo dục mầm non” cho các lớp độc lập như tại dự thảo Quyết định thì có thể gây nhầm lẫn trong cách hiểu.

2.4. Về đối tượng áp dụng: Đề nghị Bộ GDĐT xem xét, quy định tại khoản 2 Điều 2 (Đối tượng áp dụng) theo hướng “Khách hàng vay vốn NHCSXH theo quy định tại Quyết định này”. Đối với quy định cụ thể về “khách hàng vay vốn” tại dự thảo Quyết định thuộc nội hàm về đối tượng và điều kiện vay vốn, thực tế cũng đang trùng với các nội dung tại Điều 4 “Điều kiện vay vốn”. Do đó, đề nghị Bộ GDĐT xem xét tách các nội dung này, quy định cụ thể tại Điều 4 về đối tượng và điều kiện vay vốn.

2.5. Về mức vốn cho vay: Đề nghị Bộ GDĐT giải trình, thuyết minh cụ thể về cơ sở đề xuất mức vốn cho vay tối đa 80 triệu đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục và 200 triệu đồng đối với trường mầm non dân lập, tư thục và trường tiểu học tư thục.

2.6. Về thời hạn cho vay:

- Dự thảo Quyết định của Bộ GDĐT đang quy định thời hạn cho vay tối đa 36 tháng. Tuy nhiên, hiện nay, đối với các chương trình tín dụng cho vay để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh, mua sắm trang thiết bị... tại NHCSXH thì thời hạn cho vay thường được quy định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của người vay, chu kỳ sản xuất kinh doanh của người vay và thời hạn thu hồi vốn của chương trình, dự án (ví dụ: các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát; chương trình cho vay giải quyết việc làm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn).

- Vì vậy, đề nghị Bộ GDĐT phối hợp với NHCSXH để nghiên cứu, đề xuất về thời hạn cho vay tối đa cho phù hợp với thời gian chương trình thực tế, đảm bảo khả năng thu nợ của NHCSXH, tránh phát sinh trường hợp nợ quá hạn.

2.7. Về lãi suất cho vay:

- Dự thảo Quyết định của Bộ GDĐT đang quy định lãi suất cho vay là 0%/năm. Đề nghị Bộ GDĐT bổ sung giải trình rõ căn cứ đề xuất mức lãi suất cho vay này.

- Trên thực tế, hiện nay NHCSXH cũng đang triển khai nhiều chương trình tín dụng cho các đối tượng chính sách với mức lãi suất cho vay phù hợp. Ví dụ: chương trình cho vay hộ nghèo có lãi suất 6,6%/năm; chương trình cho vay hộ cận nghèo có lãi suất 7,92%/năm; chương trình cho vay hộ mới thoát

nghèo có lãi suất 8,25%/năm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn có lãi suất 9%/năm... Chương trình cho vay với lãi suất thấp nhất của NHCSXH cũng có mức lãi suất cho vay 1,2%/năm (cho vay hỗ trợ trồng rừng, phát triển chăn nuôi tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi).

- Vì vậy, đề nghị Bộ GDĐT phối hợp với NHCSXH để nghiên cứu, đề xuất mức lãi suất cho vay phù hợp với thực tế, tránh tình trạng trục lợi chính sách, nâng cao trách nhiệm của khách hàng khi quyết định vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ vay. Ngoài ra, đề nghị Bộ GDĐT làm rõ biện pháp bảo đảm tiền vay.

2.8. Về định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH (ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg); trong đó đã có các quy định cụ thể về xử lý nợ bị rủi ro, bao gồm việc gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ...

- Vì vậy, đề nghị Bộ GDĐT xem xét bỏ Điều 11 quy định về định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn tại dự thảo Quyết định. Thay vào đó, tại Điều 9 dự thảo Quyết định, có thể xem xét quy định NHCSXH quy định cụ thể về “Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ (gốc, lãi), gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn”. NHCSXH khi ký kết hợp đồng tín dụng với khách hàng vay vốn sẽ có trách nhiệm thỏa thuận với khách hàng về kỳ hạn trả nợ, việc gia hạn nợ và xử lý rủi ro (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

2.9. Về nguồn vốn cho vay:

- Tại gạch đầu dòng thứ năm, tiết c điểm 2 mục II Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định NHCSXH “cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng theo yêu cầu phòng, chống dịch; tổng nguồn vốn cho vay tối đa là 1.400 tỷ đồng.”

- Tại tiết d điểm 1 mục III Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định “tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng... để cho vay theo quy định tại tiết c điểm 2 mục II Nghị quyết này”.

- Như vậy, nguồn vốn cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập tối đa 1.400 tỷ đồng là từ nguồn tăng phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH (tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng). Do đó, việc Bộ GDĐT quy định nguồn vốn cho vay tại dự thảo Quyết định là nguồn vốn

ngân sách nhà nước cấp 1.400 tỷ đồng là chưa phù hợp với Nghị quyết số 11/NQ-CP.

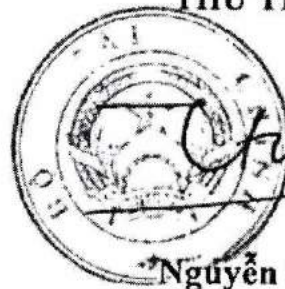
- Đề nghị Bộ GDĐT sửa đổi quy định tại Điều 10 dự thảo Quyết định theo hướng “nguồn vốn cho vay từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP”.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ GDĐT nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (đề b/cáo);
- Lưu: VT, TCNH (N.D.Linh - 5 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *698* /LĐTBXH-KHTC

Hà Nội, ngày *09* tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP



Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo —

Phúc đáp Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Về đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1 đề nghị rà soát lại bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 2 về khách hàng vay vốn là “*cơ sở giáo dục, trường... mầm non, tiểu học*”; như vậy nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập có tư cách pháp nhân không, khi khách hàng vay là cá nhân thì cần tách riêng để có quy định cụ thể.

2. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định chỉ quy định đối tượng được vay vốn; các điều kiện để vay vốn quy định tại điểm a, b khoản 2 đã quy định tại Điều 4 của dự thảo.

3. Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Quyết định về cam kết hoạt động trở lại sau 3 tháng, đề nghị nghiên cứu quy định cho phù hợp vì hiện nay tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng nhanh, quy định điều kiện như trên sẽ dẫn đến việc cơ sở giáo dục vay vốn vi phạm cam kết do yếu tố chủ quan.

4. Tại Điều 7 về thời hạn cho vay, để tránh việc các cơ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội khi cho vay gây khó khăn cho người vay, nên quy định: “*Thời hạn được vay ưu đãi lãi suất 0% tối đa là 12 tháng; thời hạn cho vay cụ thể do cơ sở giáo dục vay đề xuất và được thể hiện trong hợp đồng vay vốn*”.

5. Tại Điều 9 đề nghị quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục cho vay, trả nợ để bảo đảm tính công khai, minh bạch (*tương tự như quy định về vay vốn hỗ trợ trả lương ngừng việc hoặc phục hồi sản xuất trong các Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 và số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ; và các Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ năm 2020 hỗ trợ người dân và người lao động, doanh nghiệp*).

CHT

6. Tại Điều 11, đề nghị quy định cụ thể về thời hạn trả nợ, điều chỉnh thời hạn trả nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn để các đối tượng vay nắm rõ chính sách trước khi làm hồ sơ vay vốn; bảo đảm công khai, minh bạch, tránh gây khó khăn cho đối tượng khi làm hồ sơ vay vốn.

7. Tại khoản 1 Điều 13, đề nghị rà soát để quy định trách nhiệm của các Bộ trưởng có liên quan trực tiếp đến triển khai chính sách. *re*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

KT. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 809 /BNV-KHTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết 11/NQ-CP

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với bản dự thảo Quyết định do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo.

2. Đề nghị xem xét, bổ sung làm rõ một số nội dung, cụ thể:

- Điều 3, Điều 4: Xem xét bổ sung “Cam kết hoạt động trở lại trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên (*không tính thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh theo quy định của địa phương*) và được UBND cấp huyện/xã nơi đóng trụ sở xác nhận”.

- Điều 5: Làm rõ mức vay trong dự thảo quy định cho một lần vay hay tổng dư nợ cho vay.

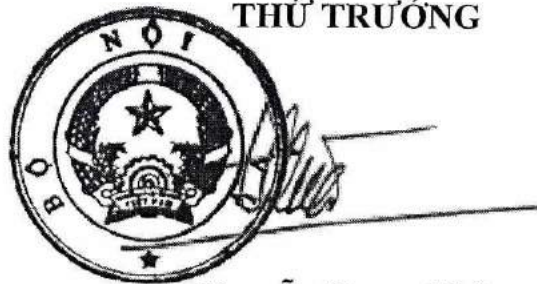
- Điều 7: Xem xét bổ sung nội dung về thời hạn giải ngân áp dụng đến khi nào?.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ gửi quý Bộ tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Thừa

Số: 1359 /NHNN-TD

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 582/BGDĐT-KHTC ngày 24/2/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

I. Ý kiến tham gia chung

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung hồ sơ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trong đó có dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ. Tại dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn của việc đề xuất xây dựng chính sách cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập. Trên cơ sở đó, bám sát quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan và các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH để xây dựng dự thảo Quyết định phù hợp với chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và mô hình hoạt động của NHCSXH. Đồng thời, làm rõ cơ sở của các đề xuất về điều kiện để được vay vốn, nhu cầu vay vốn, mức vốn cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, các biện pháp bảo đảm tiền vay tại dự thảo Quyết định...

II. Ý kiến tham gia cụ thể đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Tại Điều 1, đề nghị bổ sung cụm từ “*tại Ngân hàng Chính sách xã hội*” sau đoạn “*Quyết định này quy định chính sách tín dụng*”.

2. Tại Khoản 2 Điều 2, đề nghị bỏ nội dung “*thuộc các trường hợp sau: a, b*” vì nội dung này đã quy định tại Điều khoản quy định về điều kiện cho vay (Điều 4).

3. Tại Điều 4, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số điều kiện của đối tượng thụ hưởng chính sách như: (i) Phải được thành lập và hoạt động đúng quy định pháp luật; (ii) Có nhu cầu vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích; (iii) Có phương án trả nợ vốn vay cụ thể, rõ ràng, đảm bảo hoàn trả vốn vay đúng thời hạn vay vốn; (iv) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, khách hàng không có nợ xấu phát sinh trước thời điểm 23/1/2020 để phù hợp với thực tế

thời điểm Việt Nam công bố có dịch và đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

4. Tại Điều 7 về thời hạn cho vay: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bỏ nội dung “Thời hạn cho vay là khoảng thời gian... được ghi trong hợp đồng tín dụng”, và chỉnh sửa theo hướng: *Thời hạn cho vay do NHCSXH và khách hàng vay vốn thỏa thuận trên cơ sở phương án sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng, tối đa không quá ... tháng.*

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình lý do, sự phù hợp khi quy định thời hạn cho vay tối đa của chương trình là 36 tháng, trong khi các chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như cho vay đối với người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết 68/NQ-CP có thời hạn tối đa là 12 tháng.

5. Tại Điều 10 về nguồn vốn cho vay: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung giải trình đối với đề xuất việc quy định nguồn vốn để NHCSXH thực hiện cho vay là nguồn ngân sách nhà nước cấp, vì quy định nêu trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ.

6. Tại Điều 13 về tổ chức thực hiện: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan để các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./. *el*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, TD5, NTH.Mến (3).

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú